



TBRC

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900242832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21/12/2009 và thay đổi lần thứ 7 ngày 29/04/2016)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ



TBRC

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: (0663) 875 193

Fax: (0663) 875 307

Website: <http://www.tabiruco.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 39724568

Fax: (84.4) 39724600

Website: www.vndirect.com.vn.

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Phạm Ngọc Tiến – Người được uỷ quyền phụ trách công bố thông tin

Số điện thoại: 0983529008

Số fax: 0663 875307

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	3
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	3
2. Cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.....	5
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.....	5
4. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỉ lệ nắm giữ)	7
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng	7
6. Hoạt động kinh doanh.....	8
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất	14
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	15
9. Chính sách đối với người lao động	16
10. Chính sách cổ tức	17
11. Tình hình tài chính	18
12. Tài sản	24
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	27
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...).....	27
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	28
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty (nếu có).....	31
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	31
1. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý.....	31
2. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	43
III. PHỤ LỤC	44

CÁC KHÁI NIỆM TỪ VIẾT TẮT

Cụm từ, nhóm từ được viết tắt	:	Diễn giải
Công ty/ TABIRUCO	:	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên
VND	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng Cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
ĐKKD	:	Đăng ký kinh doanh
BCTC	:	Báo cáo tài chính
BKS	:	Ban kiểm soát
CTCP	:	Công ty cổ phần
CP	:	Cổ phần
TP	:	Thành phố
TNHH MTV	:	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
TSCĐ	:	Tài sản cố định
CBNV	:	Cán bộ nhân viên
BDS	:	Bất động sản
CMND	:	Chứng minh nhân dân
TMCP	:	Thương mại cổ phần
VSD	:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán
Sở GDCK	:	Sở Giao dịch chứng khoán
HNX	:	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
UBCK	:	Ủy ban chứng khoán nhà nước

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Giới thiệu về Công ty:**

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên
- Tên giao dịch bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên
- Tên giao dịch quốc tế: TANBIEN RUBBER JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch viết tắt: TABIRUCO (TBRC)
- Người đại diện theo pháp luật: Trương Văn Cư – Tổng Giám đốc
- Địa chỉ: Tổ 2, Ấp Thạnh Phú, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại: (+84) 066.3875193, Fax: (+84) 066.3875307.
- Email: tbrc@tabiruco.vn
- Website: www.tabiruco.vn
- Logo Công ty:



- Vốn điều lệ đăng ký: 879.450.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 879.450.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3900242832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 21/12/2009 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29/04/2016
- Ngành nghề kinh doanh bao gồm:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Trồng cây cao su	0125(Chính)
2	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: sản xuất cao su thiên nhiên	2013
3	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ	2012
4	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp Chi tiết: cây cao su giống	0130
5	Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: bán buôn cây giống cao su	4620
6	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
7	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế	4663
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai	1104
10	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
11	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất vật tư khai thác cao su	2599
12	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: sản xuất chai nhựa PET	2220
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn cao su, sản phẩm bao bì và các sản phẩm khác từ plastic	4669

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên trước đây là Công ty Cao su Tân Biên, là đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, được thành theo Quyết định số 68/TCCB-QĐ ngày 20/12/1985 của Tổng cục Cao su Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam).
- Từ ngày 01/01/2010 Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp nhà nước sang loại hình Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ theo Quyết định số 340/QĐ-HĐQTCSTB ngày 24/12/2009 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
- Thực hiện theo chủ trương của Chính phủ tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa, chuyển đổi loại hình TNHH MTV sang CTCP theo Quyết định số 668/QĐ-HĐTVCSVN ngày 25/12/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và Quyết định số 15A/QĐ-HĐTVCSVN của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam ngày 15/01/2016 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên – Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần cao su Tân Biên.
- Ngày 11/03/2016, Công ty thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh, số lượng cổ phần bán được là 66.600 cổ phần, giá đấu thành công bình quân là 18.721 đồng/cổ phần.
- Ngày 21/04/2016, Ban tổ chức Đại hội Công Cổ phần Cao su Tân Biên đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.
- Ngày 29/4/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, Mã số doanh nghiệp: 3900242832 với vốn điều lệ là 879.450.000.000 đồng.
Căn cứ theo hồ sơ đăng ký công ty cổ phần và đăng ký thuế, ngày Công ty bắt đầu hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 01/05/2016.
- Ngày 29/07/2016, Công ty đã được chấp thuận trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 4953/UBCK-GSDC ngày 28/07/2016 của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

1.3. Giới thiệu về Chứng khoán đăng ký giao dịch:

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Mã chứng khoán đề xuất: RTB
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 87.945.000 cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng: 100.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,11% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.
Cụ thể: Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông chiến lược (Công ty TNHH SX Cao su Liên Anh): 100.000 cổ phiếu, thời gian hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày TABIRUCO chính thức hoạt động là Công ty Cổ phần. Thời gian hạn chế chuyển nhượng từ ngày 01/05/2016 đến hết ngày 30/04/2021.
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài. Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài sẽ phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và quy định tại Thông tư số

123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tại thời điểm ngày 11/08/2016, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần.

1.4. Quá trình tăng vốn Công ty:

- Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900242832 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 21/12/2009 và cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 29/04/2016. Kể từ khi hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần cho đến nay, Công ty chưa tiến hành tăng vốn. Vốn điều lệ của Công ty vẫn là 879.450.000.000 đồng.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

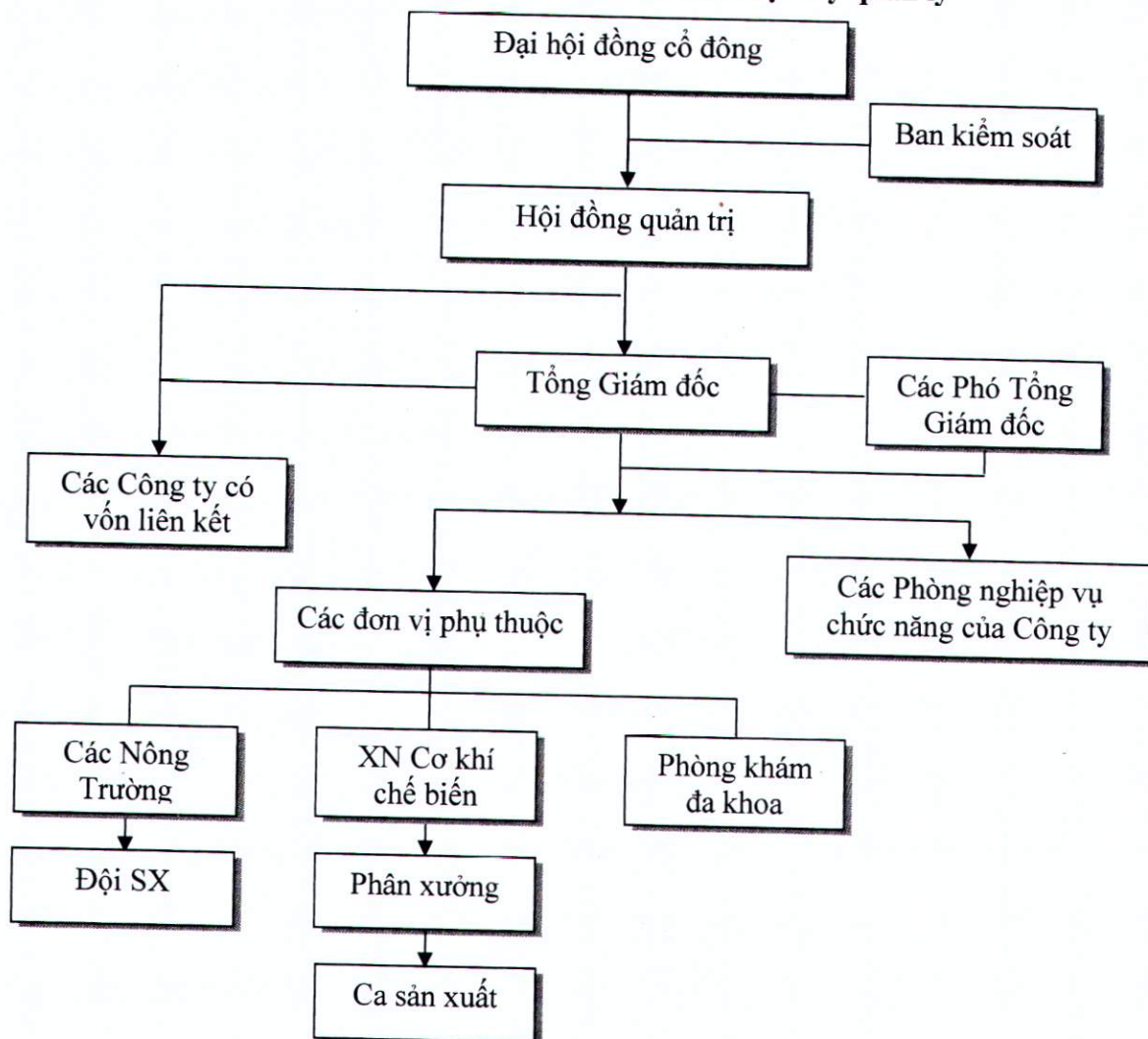
Công ty hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

Công ty có một công ty con và một công ty liên kết như sau:

- Công ty con: Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom
Địa chỉ: Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
- Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Chế biến – XNK gỗ Tây Ninh
Địa chỉ: Huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Hình 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý



- **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, Đại hội biểu quyết các nội dung cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

- **Hội đồng quản trị**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên (gồm Chủ tịch và 04 thành viên).

- **Ban kiểm soát**

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 thành viên (gồm Trưởng ban và 02 thành viên).

- **Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc**

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty có các Phó Tổng giám đốc.

Số lượng Ban Tổng giám đốc là 04 thành viên (gồm Tổng giám đốc và 03 Phó Tổng giám đốc).

- **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

- **Các phòng ban chức năng**

Căn cứ Quyết định 396/QĐ-HĐTVCSVN ngày 04/12/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên, các phòng ban chức năng của Công ty như sau:

- + Phòng Tổ chức Hành chính
- + Phòng Tài chính Kế toán
- + Phòng Kỹ thuật
- + Phòng Kế hoạch Đầu tư
- + Phòng Xuất Nhập Khẩu
- + Phòng Thanh tra Bảo vệ Quân sự Động viên
- + Phòng Quản lý Chất lượng

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

4. **Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỉ lệ nắm giữ)**

4.1. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 10/08/2016

Tên cổ đông	CMND/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Số 0301266564, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/06/2010 và thay đổi lần 3 ngày 04/03/2014	177 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP.HCM	86.590.553	98,46
		Tổng cộng	86.590.553	98,46

(Nguồn: Tabiruco)

4.2. **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:**

Công ty không có cổ đông sáng lập.

4.3. **Cơ cấu cổ đông**

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông nắm tại ngày 10/08/2016

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	638	87.945.000	100
1	Tổ chức	3	86.710.553	98,6
2	Cá nhân	635	1.234.447	1,4
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0

(Nguồn: Tabiruco)

5. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng**

5.1. **Danh sách công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của Công ty**

❖ **Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam**

Địa chỉ: 177 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP.HCM
Giấy chứng nhận Số 0301266564, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp
ĐKDN: lần đầu ngày 30/06/2010 và thay đổi lần 3 ngày 04/03/2014
Hoạt động kinh - Trồng, chế biến, kinh doanh cao su, chế biến gỗ nhân tạo;
doanh chính: công nghiệp cao su.
- Đầu tư kinh doanh các khu công nghiệp trên đất cao su của Tập đoàn chuyển đổi theo quy hoạch sử dụng đất được Chính phủ phê duyệt.

Tỷ lệ sở hữu tại
Tabiruco ngày 98,46%
10/08/2016:

5.2. Danh sách công ty con của Công ty

❖ Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom (*)

Địa chỉ:	Ấp Thạnh Phú, Tân Hiệp, Tân Châu, Tây Ninh.
Giấy chứng nhận ĐKDN:	Số 3900419448 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 03/10/2007 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 09/12/2015.
Hoạt động kinh doanh chính:	Trồng cây cao su.
Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31/12/2015:	50,91%.
Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2015:	49,75%.

(*) Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên (nay là Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên) chiếm 49,75% tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên- Kampong Thom nhưng Công ty CP Cao su Tân Biên-Kampong Thom được xác định là Công ty con vì Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty này, đồng thời có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp, có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương. Trong đó, tỷ lệ quyền biểu quyết xác định theo phương án góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên- Kampong Thom và tỷ lệ lợi ích xác định theo số vốn thực góp của Công ty trên vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom.

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán).

5.3. Danh sách công ty liên kết

❖ Công ty Cổ phần Chế biến – Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh

Địa chỉ:	Lô H1, đội G1, thuộc Nông Trường Cao su Gò Dầu, ấp Bến Mương, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
Giấy chứng nhận ĐKDN:	Số 4503000089 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 07/01/2008 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 02/07/2014.
Hoạt động kinh doanh chính:	Khai thác, chế biến, sản xuất gỗ; kinh doanh buôn bán nhiên liệu, viên gỗ nén làm chất đốt.
Tỷ lệ sở hữu của Tabiruco ngày 31/12/2015:	21,60%

6. Hoạt động kinh doanh.

6.1. Sản phẩm chính:

Sản phẩm chính của Công ty là mủ cao su, được chia làm 2 loại chính: mủ latex và mủ côm. Trong đó, mủ latex ở dạng lỏng bao gồm dòng mủ HA (High Amoniac) và mủ LA (Low Amoniac), ứng dụng rộng rãi trong cuộc sống hàng ngày phục vụ cho các lĩnh vực y tế, kỹ thuật như sản xuất nệm, găng tay, keo dán, bong bóng. Trong khi đó, mủ côm ở dạng khối có 03 dòng chính bao gồm dòng có độ mềm dẻo và có tính bám dính phục vụ để sản xuất dây thun, keo dán, mặt hông lốp xe, mặt vợt bóng bàn như SVR CV 50, SVR CV 60, SVR 10 CV; dòng có độ đàn hồi và mài mòn cao phục vụ cho lĩnh vực sản xuất lốp xe ô

tô, dây đai, cáp dây điện như SVR 3L, SVR 5 và dòng có tính cứng phục vụ trong công nghiệp sản xuất lốp xe như SVR 10, SVR 20.

Theo thống kê các năm gần đây, độ ổn định trong chất lượng sản phẩm của Công ty được đánh giá cao, đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm bao gồm tiêu chuẩn TCVN 3769:2004 đối với các sản phẩm cao su dạng mũ cốm và tiêu chuẩn TCVN 6314:2013 đối với sản phẩm latex.

Trong các sản phẩm nói trên, mũ latex được khách hàng đánh giá cao và khẳng định được thương hiệu trên thị trường, trong khi đó tỷ trọng SVR 3L là mặt hàng có tỷ trọng cao nhất.

Ngoài ra, Công ty còn sản xuất chai nhựa PET, nước uống tinh khiết đóng chai.

6.2. Nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là mũ cao su tự nhiên tự khai thác từ các nông trường của Công ty và thu mua từ các tiểu điền ở các địa bàn lân cận. Theo thống kê của những năm gần đây thì tỷ lệ tự khai thác chiếm khoảng 78%, thu mua từ tiểu điền khoảng 22%. Sản lượng tự khai thác đáp ứng 78% nhu cầu sản xuất và sản lượng thu mua từ tiểu điền đáp ứng 22% nhu cầu sản xuất. Việc thu mua từ bên ngoài chủ yếu là để tận dụng năng lực sản xuất của nhà máy, khấu hao máy móc thiết bị và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

Nguồn nguyên vật liệu nhìn chung là đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất và ổn định. Tuy nhiên, sự biến động giá cả cũng tác động không nhỏ đến khả năng thu mua từ bên ngoài do việc thu mua phải đảm bảo không bị lỗ và việc tồn kho lâu sẽ dẫn đến rủi ro làm tăng giá thành trong khi giá bán thấp.

6.3. Công nghệ sản xuất:

Hiện tại, Công ty có 03 dây chuyền sản xuất trong đó có: 02 dây chuyền sản xuất mũ cốm SVR với các chủng loại sản phẩm sản xuất được như sau: SVR 3L, SVR 5, SVR 10, SVR 20, SVR CV50, SVR CV60, SVR 10CV, Skim Bloc. Công nghệ của hai dây chuyền này hoàn toàn là công nghệ sản xuất trong nước. Với công suất thiết kế của hai dây chuyền này là 12.000 tấn mũ quy khô/năm. Tuy nhiên, công suất thực tế có khả năng đạt hơn 14.000 tấn/năm. 01 dây chuyền sản xuất mũ latex với công suất thiết kế là 4.000 tấn/năm, với tổng số máy là 12 máy ly tâm, các thiết bị công nghệ này được nhập khẩu từ Đức. Công suất thực tế có khả năng đạt hơn 5.500 tấn/năm. Các chủng loại sản phẩm của dây chuyền này sản xuất gồm: Latex HA và Latex LA.

Nhìn chung, công nghệ sản xuất, chế biến của Công ty đã đạt công nghệ chuẩn của ngành và cũng thuộc công nghệ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Công ty luôn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong khai thác như: công nghệ sử dụng bôi thuốc kích thích, bơm khí galex, công nghệ cạo miệng úp,... Nhà máy chế biến có tổng công suất thiết kế là 16.000 tấn/năm và thực tế có khả năng đạt trên 120% công suất thiết kế. Năng lực sản xuất của nhà máy có đủ khả năng đáp ứng chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 3769:2004 và TCVN 6314:2013 và thời gian cung ứng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

Hiện nay, do vườn cây đã vào thời kỳ thanh lý, sản lượng hàng năm của Công ty giảm nên Công ty đang tăng cường thu mua để bù đắp sản lượng sụt giảm do thanh lý vườn cây. Do vậy, Công ty chưa có kế hoạch mở rộng và nâng cao công suất sử dụng của nhà máy.

6.4. Quy trình sản xuất:

❖ Quy trình sản xuất cao su côm:

QUY TRÌNH	TRÁCH NHIỆM
Nhận các loại vật tư hoá chất, nhiên liệu từ kho công ty <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px 0;">Tiếp nhận mũ nước</div> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại nguyên liệu - Cho mũ vào hồ - Thêm nước, hạ DRC - Tính lượng Acid đánh đồng 	Giám đốc, kế toán, thủ kho XN Tổ đánh đồng Công nhân tiếp nhận Công nhân tiếp nhận Tổ trưởng đánh đồng
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px 0;">Đánh đồng</div> <ul style="list-style-type: none"> - Pha acid Acetic - Xả mũ vào mương - Kiểm tra pH - Phun chống nấm 	Công nhân tiếp nhận Công nhân tiếp nhận Tổ đánh đồng Công nhân tiếp nhận
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px 0;">Cán kéo, rửa</div> <ul style="list-style-type: none"> - Cán kéo, rửa - Cán crep 1,2,3-rửa - Cán cắt, tạo hạt - Kiểm tra cán kéo. tạo hạt 	Công nhân sản xuất Công nhân sản xuất Công nhân sản xuất Tổ trưởng sản xuất
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px 0;">Sấy</div> <ul style="list-style-type: none"> - Xếp học - Sấy 	Công nhân sản xuất Công nhân sản xuất
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px 0;">Đóng gói</div> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại - Cân - Ép - Phân hạng, cắt mẫu - Vô bọc, dán tem - Vào pallet 	Công nhân sản xuất Công nhân sản xuất Công nhân sản xuất Công nhân sản xuất Công nhân sản xuất Công nhân sản xuất
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px 0;">Nhập kho</div> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng hàng - Kiểm tra 	Công nhân phallet Tổ trưởng, thủ kho

Quy trình sản xuất của Công ty được diễn ra khép kín, vệ sinh, an toàn, ghi nhận và kiểm tra chính xác ở từng phân đoạn, từ khâu tiếp nhận nguyên vật liệu đầu vào đến lúc thành phẩm. Quy trình sản xuất cao su bước sẽ có 12 bước thực hiện;

- Bước 1: Kiểm tra ban đầu. Kiểm tra nguồn gốc xe mũ, thời gian vận chuyển đi, về

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

- Bước 2: Tiếp nhận và xử lý nguyên liệu. Kiểm tra mù trước khi xả vào hồ tiếp nhận, như mù phải trắng tự nhiên, ít tạp chất. Mỗi hồ tiếp nhận phải ghi nhận rõ tổng số mù ban đầu, lượng nước được dùng để pha loãng và phân hạng dự kiến của sản phẩm, tình trạng mù nguyên liệu. Các sản phẩm được phân hạng như sau:

STT	CHỈ TIÊU	YÊU CẦU KỸ THUẬT	
		LOẠI 1	LOẠI 2
1	Trạng thái	Lông tự nhiên, lọc qua lưới lọc 40 mesh dễ dàng	Khi mù tiếp nhận tại XN có ít nhất một trong bảy chỉ tiêu không đạt loại 1.
2	Màu sắc	Trắng tự nhiên	
3	Hàm lượng NH ₃ (*)	Không quá 0,03% trên khối lượng latex	
4	Hàm lượng cao su khô (DRC)	Không nhỏ hơn 20% w/w	
5	Độ pH của latex	6,5 < pH ≤ 8	
6	Tạp chất	Không lẫn tạp chất nhìn thấy được	
7	Thời gian tiếp nhận latex	Trong ngày	

Ghi chú: (*): Sử dụng dung dịch NH₃ nồng độ 5% ÷ 10% w/v.

- o Loại 1: Dùng để chế biến cao su SVR L, SVR 3L.
 - o Loại 2: Dùng để chế biến cao su theo sự hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.
- Bước 3: Đánh đồng. Yêu cầu kỹ thuật của latex khi đánh đồng.

STT	CHỈ TIÊU	YÊU CẦU KỸ THUẬT
1	Hàm lượng cao su khô (DRC)	Không nhỏ hơn 20% w/w
2	Độ pH đánh đồng	Từ 5,2 đến 5,6 (*)
3	Acid đánh đồng	Acid acetic (CH ₃ COOH) nồng độ 0,4% ÷ 3% v/v
4	Thời gian ổn định mù đồng	Không nhỏ hơn 6 giờ

- Bước 4: Cán kéo. Mù phải được chế biến sau 06 giờ và không quá 24 giờ từ khi đánh đồng.
- Bước 5: Cán Crếp 1-2-3. Sau khi qua máy cán kéo, mù sẽ được chuyển đến lần lượt các máy cán số 1, 2, 3. Trước và trong khi cán cần kiểm tra kỹ về hệ thống nước rửa, khe hở trục cán và tờ mù sau khi cán có đồng đều, không lẫn các đốm đen.
- Bước 6: Băm côm. Chiều dày tờ mù trước khi đưa vào máy băm không lớn hơn 8,0 mm. Khi đưa vào máy băm phải đồng đều và liên tục. Máy băm cắt tờ mù thành hạt côm kích thước từ 5 mm ÷ 8 mm.
- Bước 7: Vô thùng. Việc vô thùng thực hiện bằng cách bơm chuyển hạt cao su từ hồ băm đến sàn rung và phân phối vào các thùng sấy. Cao su qua sàn rung phải được tách nước triệt để, không bị vón cục, lượng nước hao hụt qua sàn rung không quá 5% lượng nước theo cao su xuống thùng sấy. Việc đưa hạt cao su vào thùng phải đảm bảo ngang đều, không lỗ hổng hoặc cao su dính thành từng cục, không lấy tay đè hay chất quá đầy, không phun nước vào cao su đã xếp.
- Bước 8: Sấy mù. Nhiệt độ sấy mù không quá 120oC. Chu kỳ sấy trung bình từ 3 giờ đến 3,5 giờ. Thời gian sấy tùy thuộc vào tình trạng của hạt cao su, độ ẩm môi trường, nhiệt độ sấy và tùy theo từng loại lò sấy mà vận hành cho phù hợp.

- Bước 9: Cân. Sau khi được sấy, sản phẩm ra khỏi lò được bốc ra, để trên bàn theo từng nguồn gốc, kiểm tra sơ bộ về màu sắc, tạp chất các đốm bị sống. Mỗi bánh mũ được cân đủ trọng lượng 33,33 kg/bánh, 35 kg/bánh hoặc theo yêu cầu của khách hàng
- Bước 10: Ép kiện và quân nhân vô bọc. Cao su được ép thành bánh hình khối chữ nhật, kích thước quy định là: dài: 670 mm \pm 20 mm, rộng: 330 mm \pm 20 mm, cao: 170 mm \pm 5 mm.
- Bước 11: Sắp xếp hàng hóa. Bánh cao su được bao gói kín trong bao nhựa PE (polyethylen) có kích thước 1000 mm x 580 mm, có tỷ trọng thấp, không màu hoặc màu trắng đục có độ dày từ 0,03 mm ÷ 0,04 mm, điểm nóng chảy không lớn hơn 109 oC. Loại bao nhựa và chiều dày có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng. Nhãn hiệu ghi trên bánh cao su phải đúng với chủng loại và cấp hạng cao su. Sau khi bọc xong, bao nhựa phải được hàn dính lại và không bị rách. Việc sắp xếp phải đảm bảo không được chồng quá ba thùng cao su lên nhau.
- Bước 12: Báo cáo sản xuất – nhập kho thành phẩm. Kho bảo quản sản phẩm phải sạch sẽ, thoáng, không bị ẩm ướt, nền kho phải bằng phẳng, nhiệt độ trong kho không quá 40 oC. Trong kho phải trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy đúng quy định nhà nước. Trường hợp cao su chứa trong kho trên 6 tháng, phải cắt mẫu lại để kiểm nghiệm và xác định chất lượng. Sau khi kết thúc quá trình sản xuất, các đơn vị có liên quan phải thực hiện kiểm kê và bàn giao sản phẩm:
 - Tổ trưởng tiến hành bàn giao mũ thành phẩm cho thủ kho, lập báo cáo sản xuất và bàn giao lại các loại vật tư, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và số kg lẻ thành phẩm chưa ép bánh.
 - Kế toán XN làm báo cáo tình hình sản xuất ngày, có trách nhiệm theo dõi, cập nhật, so sánh chênh lệch giữa nguyên liệu và thành phẩm mũ công ty, mũ của các đơn vị gia công.
 - P.QLCL theo dõi việc xuất hàng SVR theo sổ xuất hàng. Trong đó có ghi rõ số lô, chủng loại, số lượng, xuất cho khách hàng nào...

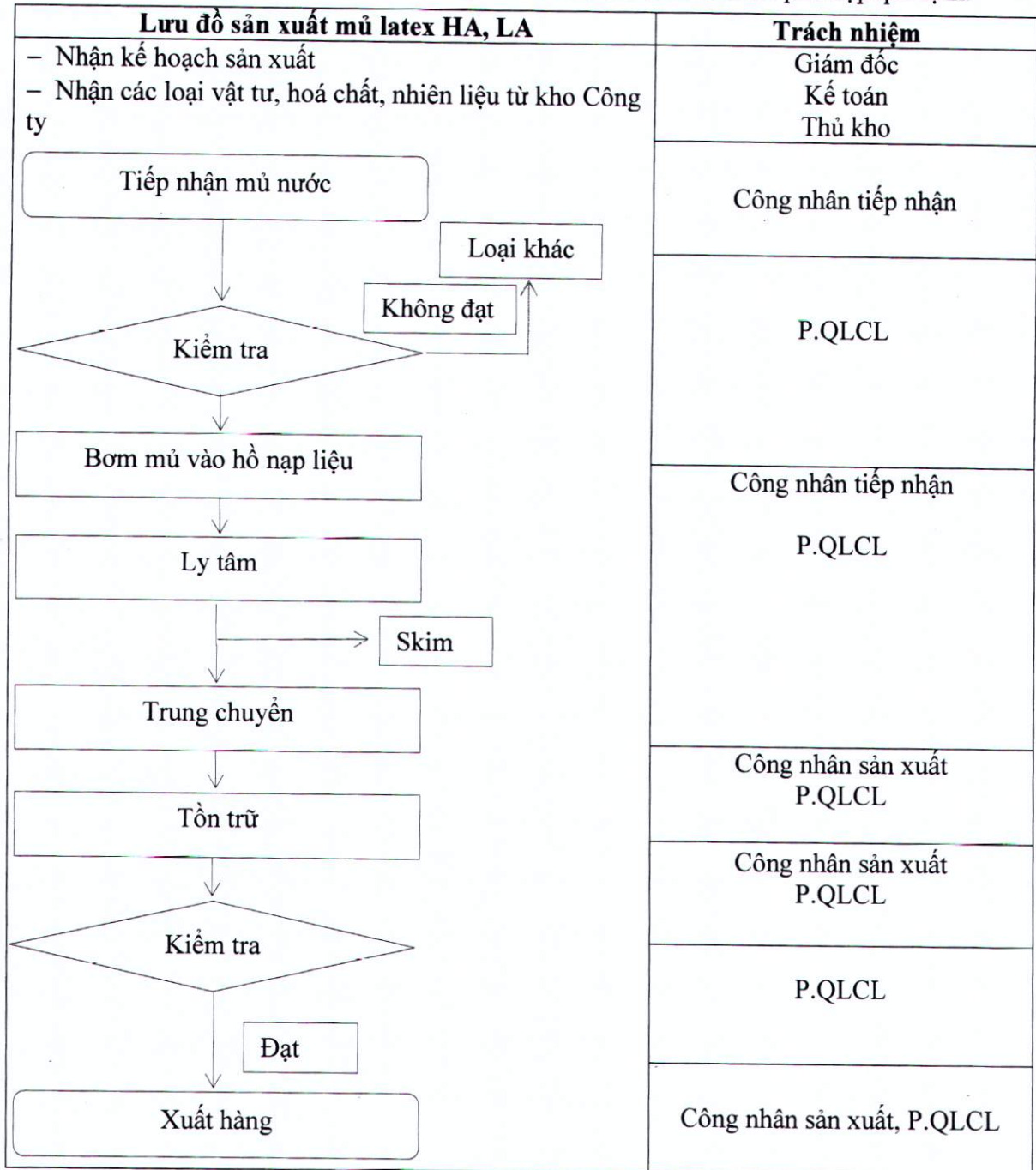
❖ Quy trình sản xuất latex ha, la:

Quy trình sản xuất latex ha, la được thực hiện qua 08 bước, cụ thể

- Bước 1: Kiểm tra ban đầu các xe đến nhập hàng, phải có đủ các hóa đơn vận chuyển. P.QLCL kiểm tra niêm phong và dùng thước tiến hành đo dung tích từng bồn từng xe và ghi nhận kết quả tiếp nhận vào phiếu theo dõi kiểm soát sản xuất.
- Bước 2: Tiếp nhận nguyên liệu. Tại hồ tiếp nhận bộ phận tiếp nhận sẽ trộn và khuấy mũ nước, lấy mẫu từng xe để P.QLCL xác định chỉ tiêu VFA. Sau đó, cho mũ nguyên liệu vào hồ tiếp nhận qua lược với kích thước lỗ lược 2mm, bơm mũ nguyên liệu lên hồ nạp liệu, xử lý nguyên liệu theo sổ nguyên liệu latex.
- Bước 3: Tại hồ nạp liệu sau khi bơm mũ lên hồ, bộ phận tiếp nhận lấy mẫu hỗn hợp của hồ để P.QLCL xác định hàm lượng chất rắn trong mũ nước. Căn cứ kết quả kiểm tra ở trên P.QLCL yêu cầu tổ sản xuất sẽ pha thêm nước để làm giảm hàm lượng cao su khô trong mũ nước.
- Bước 4: Ly tâm. Quá trình ly tâm được điều chỉnh phù hợp với kết quả kiểm tra nguyên vật liệu và phải lưu ý hồ nạp liệu nào ổn định trước thì sản xuất trước. Tổ trưởng sản xuất phải ghi lại kết quả kiểm tra hóa chất thêm vào và thứ tự của từng bồn trung chuyển vào sổ kiểm soát sản xuất.

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

- Bước 5: Tồn trữ. Latex được bơm lên bồn tồn trữ dựa vào kết quả kiểm tra ở bồn trung chuyển sẽ được cho thêm NH₃ vào cho đủ 0,6-0,7% với loại HA, và 0,2-0,29% với loại LA. Khi bồn tồn trữ đầy lấy mẫu để xác định 7 chỉ tiêu TSC, DRC, NH₃, VFA, KOH, MST, Mg⁺⁺, pH và tính ra ngày sinh nhật bồn để sau đó lấy mẫu theo định kỳ kiểm tra 7 chỉ tiêu. Quá trình chế biến của mỗi lô phải được theo dõi trên sổ kiểm soát và phải được ghi rõ khối lượng sản xuất trong ngày. P.QLCL ghi nhận kết quả từng bồn tồn trữ và các biện pháp xử lý trong mỗi kỳ kiểm tra vào sổ kiểm soát sản xuất. Căn cứ vào kết quả kiểm tra, tổ trưởng sản xuất có cách xử lý nhằm đảm bảo latex tồn trữ phù hợp qui định.



- Bước 6: Xử lý Skim. Skim được bơm lên tháp khử để làm giảm lượng NH₃, sau đó được cho vào các mương để làm đông tụ bằng axit H₂SO₄.
- Bước 7: Báo cáo sản xuất-Nhập kho thành phẩm. Thành phẩm sẽ được ghi nhận vào báo cáo sản xuất và gửi đến bộ phận kế toán nhà máy làm cơ sở báo cáo tình hình sản xuất, đồng thời bàn giao thành phẩm Latex cho thủ kho XN. Kế toán XN làm báo cáo

tình hình sản xuất ngày và có trách nhiệm theo dõi, so sánh chênh lệch giữa nguyên liệu và thành phẩm mủ Latex. P.QLCL theo dõi việc xuất khẩu hàng theo sổ xuất hàng.

- Bước 8: Kiểm tra Latex trước khi giao hàng. Mỗi lô hàng trước khi giao cho từng khách hàng phải được lấy mẫu kiểm tra lại để thiết lập chứng chỉ phân tích giao cho khách hàng phù hợp với thỏa thuận.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Bảng 3: Kết quả hoạt động kinh doanh công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm	4 tháng đầu năm 2016
1. Tổng tài sản	1.088.753.819.637	1.146.808.242.954	5,33%	1.012.477.903.112
2. Vốn chủ sở hữu	867.238.345.018	884.251.780.260	1,96%	886.066.023.651
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	527.604.804.176	372.892.956.845	-29,32%	73.643.112.981
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	79.392.133.504	50.500.444.313	-36,39%	1.583.593.617
5. Lợi nhuận khác	43.928.517.550	16.591.948.859	-62,23%	7.087.423.605
6. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	96.786.861.710	62.647.985.567	-35,27%	7.152.739.161
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức(*)	/	/		/
8. Giá trị sổ sách cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) (*)	/	/		/

(Nguồn: BCTC riêng năm 2015 đã kiểm toán và BCTC 04 tháng đầu năm 2016)

* Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với BCTC riêng năm 2015: “Chúng tôi chưa được cung cấp Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Quasa – Geruco. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không đủ cơ sở đánh giá khả năng trích lập dự phòng tổn thất (nếu có) đối với khoản đầu tư tài chính nêu trên của Công ty tại thời điểm 31/12/2015. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Bảng 4: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
1. Tổng tài sản	2.163.075.251.685	2.342.354.620.681	8,29%
2. Vốn chủ sở hữu	1.391.979.240.739	1.485.908.881.032	6,75%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	528.485.612.312	374.557.136.943	-29,13%

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	60.387.088.584	31.748.301.712	-47,43%
5. Lợi nhuận khác	39.905.249.771	16.424.519.038	-58,84%
6. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73.750.645.702	43.711.771.344	-40,73%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức(*)	/	/	
8. Giá trị sổ sách cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) (*)	/	/	

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán)

* Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với BCTC hợp nhất năm 2015: “Chúng tôi chưa được cung cấp Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Quasa – Geruco. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không đủ cơ sở đánh giá khả năng trích lập dự phòng tổn thất (nếu có) đối với khoản đầu tư tài chính nêu trên của Công ty tại thời điểm 31/12/2015. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

* Ý kiến nhấn mạnh của kiểm toán đối với BCTC hợp nhất năm 2015: “Các thủ tục kiểm toán đã thực hiện nhằm mục đích đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, không bao gồm các thủ tục kiểm toán theo yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000 – Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành tại Công ty con – Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – KampongThom. Do đó, số liệu liên quan đến khoản mục Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – KampongThom có thể thay đổi sau khi được kiểm tra, kiểm toán theo các quy định của Nhà nước về quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.”

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành:

So với ngành cao su nhất là đối với các Công ty khu vực miền Đông nam bộ như CTCP Cao su Phú Riềng, Cao su Tây Ninh, Cao su Phước Hòa, Cao su Đồng Phú, Cao su Bà Rịa, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long, Công ty TNHH MTV Dầu Tiếng....; Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên là Công ty còn non trẻ chuyên trồng, khai thác và chế biến mủ cao su. Lúc mới thành lập, Công ty chỉ có 1.118 ha vườn cây cao su nhưng phần lớn chất lượng vườn cây kém phát triển, máy móc thiết bị, phương tiện vật chất còn nghèo nàn. Hiện nay, Công ty có tổng diện tích trồng cao su là 6.161,50 ha trải dài trên hai huyện biên giới của Tây Ninh là Tân Châu và Tân Biên. Cơ sở vật chất cũng được đầu tư đúng mức để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện tại, Công ty có 03 dây chuyền sản xuất trong đó có: 02 dây chuyền sản xuất mủ cốm SVR với các chủng loại sản phẩm sản xuất được như sau: SVR 3L, SVR 5, SVR 10, SVR 20, SVR CV50, SVR CV60, SVR 10CV, Skim Bloc. Công nghệ của hai dây chuyền này hoàn toàn là công nghệ sản xuất trong nước. Với công suất thiết kế của hai dây chuyền này là 12.000 tấn mủ quy khô/năm. Tuy nhiên, công suất thực tế có khả năng đạt hơn 14.000 tấn/năm. 01 dây chuyền sản xuất mủ Latex với công suất thiết kế là 4.000 tấn/năm, với tổng số máy là 12 máy ly tâm, các thiết bị công nghệ này được nhập khẩu từ Đức. Công suất thực tế có khả năng đạt hơn 5.500 tấn/năm. Các chủng loại sản phẩm của dây chuyền này sản xuất gồm: Latex HA

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

- Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ có kiến thức mới; có kế hoạch bổ sung thay thế và nâng cao chất lượng lao động trên cơ sở thực hiện tốt công tác đào tạo kết hợp với việc tuyển dụng mới lao động được đào tạo cơ bản. Đặc biệt chú trọng đến đội ngũ cán bộ trẻ, coi đó là việc đầu tư cho tương lai.
- Công ty có biện pháp hỗ trợ nguồn nhân lực tại các công ty thành viên và nâng cao chất

và Latex LA. Ngoài ra Công ty cũng xây dựng phòng hoá nghiệm, phòng quản lý chất lượng và nhiều trang thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

Công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh; xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển mạnh toàn diện trong lĩnh vực cao su.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành.

Trong kinh tế thị trường, Ngành cao su cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, tổng cầu suy giảm, nhu cầu chi tiêu của người dân chưa khả quan. Trong những năm vừa qua, kinh tế Việt Nam đã phải đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, do vậy, tình hình sản xuất kinh doanh của ngành cao su cũng đã bị ảnh hưởng rất lớn. Hiện nay, mặc dù kinh tế thế giới và trong nước đã có những dấu hiệu tích cực, tuy nhiên, tình hình khó khăn chung cũng còn ảnh hưởng đến ngành cao su trong giai đoạn sắp tới. Nhưng với sự nỗ lực của toàn thể CBNV ngành cao su, hiện nay đã có những dấu hiệu khả quan về giá cao su sẽ có chiều hướng tăng. Bên cạnh đó lãnh đạo ngành cũng đã có nhiều giải pháp nhằm giảm chi phí, để tăng lợi nhuận, giữ cho hoạt động của ngành được ổn định.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong công ty:

Bảng 5: Số lượng tại ngày 30/06/2016

Nội dung	Thời điểm 30/06/2016
Số lượng người lao động	1.834 người
Mức lương bình quân	4.104.701 đồng

(Nguồn: Tabiruco)

9.2. Chính sách đối với người lao động

❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Để nắm bắt nhanh các cơ hội kinh doanh, đồng thời thích ứng và đối phó hiệu quả với những thách thức thường xuyên của thị trường. Công ty thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực như sau:

- Thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng tay nghề thông qua việc tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng.
- Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao để người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu nhằm hoàn thành khối lượng, chất lượng sản phẩm cho Công ty.
- Chú trọng việc trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Áp dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin vào công tác quản lý nguồn nhân lực, tổ chức sắp xếp lại lao động giảm tỉ lệ quản lý, nhất là việc áp dụng phần mềm vào công tác quản lý kế toán, tiền lương, vườn cây nhằm đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty trước tình hình mới.

11. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính của Công ty được thực hiện trung thực, hợp lý, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây Cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó. Mức trích khấu hao cho năm khai thác cuối cùng của vườn cây Cao su (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

11.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Do đó, Công ty luôn chủ động thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản công nợ đến hạn, không để xảy ra trường hợp nợ ngắn hạn hay dài hạn quá hạn nào.

11.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, thực hiện nộp đầy đủ và đúng hạn các khoản phải nộp theo luật định như Thuế, Bảo hiểm, phí và lệ phí... Hàng năm đều được các cơ quan nhà nước kiểm tra và đánh giá cao kết quả thực hiện của Công ty và không bị truy thu, phạt. Số thuế còn phải nộp tại thời điểm cuối năm 2014, 2015, 4 tháng đầu năm năm 2016 như sau:

Bảng 6: Các khoản phải nộp theo luật định của Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/4/2016
Thuế giá trị gia tăng	-	836.605.729	880.237.514
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.409.176.589	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
Thuế tài nguyên	5.580.938	9.264.058	780.662
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	4.482.894.223
Các loại thuế khác	-	-	-

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	56.275.646	56.275.646
Tổng cộng	5.414.757.527	902.145.433	5.420.188.045

(Nguồn: BCTC riêng năm 2015 đã kiểm toán, BCTC riêng 4 tháng đầu năm 2016)

Bảng 7: Các khoản phải nộp theo luật định hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
Thuế giá trị gia tăng	-	836.605.729
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.473.235.751	15.850.739
Thuế thu nhập cá nhân	226.495.042	103.596.726
Thuế tài nguyên	5.580.938	9.264.058
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	56.694.781
Tổng cộng	5.705.311.731	1.022.012.033

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán)

11.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận đúng theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ, theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Công ty. Số dư các quỹ tại thời điểm cuối năm 2014, 2015, 4 tháng đầu năm 2016 như sau:

Bảng 8: Các Quỹ trích lập của Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/4/2016
Quỹ đầu tư phát triển	188.595.560.505	205.474.092.817	207.448.604.951
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	59.385.814.215	67.113.549.390	37.822.232.540
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	13.000.000.000	2.595.740.000	2.595.740.000

(Nguồn: BCTC riêng năm 2015 đã kiểm toán, BCTC riêng 4 tháng đầu năm 2016)

Bảng 9: Các Quỹ trích lập Hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	188.595.560.505	205.474.092.817
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	59.385.814.215	67.113.549.390
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	13.000.000.000	2.595.740.000

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán)

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**11.5. Tổng dư nợ vay****Bảng 10: Tổng dư nợ vay của công ty mẹ**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/04/2016
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.882.582.364	945.517.353	708.017.353
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5.023.504.592	8.921.657.650	8.921.657.650
Tổng cộng	7.906.086.956	9.867.175.003	9.629.675.003

(Nguồn: BCTC riêng năm 2015 đã kiểm toán, BCTC riêng 4 tháng đầu năm 2016)

Bảng 11: Tổng dư nợ vay Hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.882.582.364	945.517.353
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	486.807.358.758	523.787.088.650
Tổng cộng	489.689.941.122	524.732.606.003

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán)

11.6. Tình hình công nợ hiện nay:❖ **Nợ phải thu****Bảng 12: Tình hình công nợ phải thu của Công ty mẹ**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/4/2016
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	23.879.860.004	42.903.580.772	47.926.534.287
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.777.081.473	8.309.956.241	2.631.895.542
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.960.487.534	3.286.806.734	2.724.897.534
3. Phải thu ngắn hạn khác	17.059.955.191	32.224.481.991	43.487.405.405
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(917.664.194)	(917.664.194)	(917.664.194)
II. Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0
Tổng cộng	23.879.860.004	42.903.580.772	47.926.534.287

(Nguồn: BCTC riêng năm 2015 đã kiểm toán, BCTC riêng 4 tháng đầu năm 2016)

Bảng 13: Tình hình công nợ phải thu Hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	54.976.469.349	67.045.698.522
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.527.891.661	10.151.612.215
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	17.267.553.902	10.919.670.635
3. Phải thu ngắn hạn khác	33.758.687.798	48.588.807.116
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.577.664.012)	(2.614.391.444)
II. Các khoản phải thu dài hạn	0	0
Tổng cộng	54.976.469.349	67.045.698.522

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán)

❖ **Nợ phải trả**

Bảng 14: Tình hình công nợ phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/04/2016
I. Nợ ngắn hạn	203.491.970.027	251.039.065.044	114.894.481.811
1. Phải trả người bán ngắn hạn	2.467.875.720	1.890.715.612	1.531.110.247
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22.918.444.106	16.299.414.398	20.177.700.906
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.414.757.527	902.145.433	5.420.188.045
4. Phải trả người lao động	83.262.206.560	73.396.489.448	22.744.535.128
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	2.422.636.547	1.003.604.649	1.481.525.444
6. Phải trả ngắn hạn khác	24.737.652.988	89.487.628.761	25.009.172.148
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.882.582.364	945.517.353	708.017.353
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	59.385.814.215	67.113.549.390	37.822.232.540
II. Nợ dài hạn	18.023.504.592	11.517.397.650	11.517.397.650
1. Phải trả dài hạn khác	-	-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5.023.504.592	8.921.657.650	8.921.657.650
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	13.000.000.000	2.595.740.000	2.595.740.000
Tổng cộng	221.515.474.619	262.556.462.694	126.411.879.461

(Nguồn: BCTC riêng năm 2015 đã kiểm toán, BCTC riêng 4 tháng đầu năm 2016)

Bảng 15: Tình hình công nợ phải trả Hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
I. Nợ ngắn hạn	241.405.794.568	304.857.352.186
1. Phải trả người bán ngắn hạn	27.793.398.283	41.714.219.679
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22.918.444.106	16.299.414.398
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.705.311.731	1.022.012.033
4. Phải trả người lao động	94.082.764.592	84.505.489.226
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	3.203.923.245	3.420.318.117
6. Phải trả ngắn hạn khác	25.333.556.032	89.836.831.990
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.882.582.364	945.517.353

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	100.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	59.385.814.215	67.113.549.390
II. Nợ dài hạn	529.690.216.378	551.588.387.463
1. Phải trả dài hạn khác	29.882.857.620	25.205.558.813
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	486.807.358.758	523.787.088.650
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	13.000.000.000	2.595.740.000
Tổng cộng	771.096.010.946	856.445.739.649

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán)

11.7. Đầu tư tài chính:

Bảng 16: Đầu tư tài chính của Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/04/2016
I. Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.733.778.813	12.727.427.019	17.727.427.019
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.733.778.813	12.727.427.019	17.727.427.019
II. Đầu tư tài chính dài hạn	638.385.128.129	676.408.282.644	676.051.793.018
1. Đầu tư vào công ty con	558.819.000.000	597.000.000.000	597.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	10.800.000.000	10.800.000.000	10.800.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	78.555.540.000	78.255.540.000	78.255.540.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(9.789.411.871)	(9.647.257.356)	(10.003.746.982)
Tổng cộng	652.118.906.942	689.135.709.663	693.779.220.037

(Nguồn: BCTC riêng năm 2015 đã kiểm toán, BCTC riêng 4 tháng đầu năm 2016)

Bảng 17: Đầu tư tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
I. Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.733.778.813	12.727.427.019
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.733.778.813	12.727.427.019
II. Đầu tư tài chính dài hạn	84.735.465.913	85.309.744.701
1. Đầu tư vào công ty con	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.969.337.784	16.701.462.057
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	78.555.540.000	78.255.540.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(9.789.411.871)	(9.647.257.356)
Tổng cộng	98.469.244.726	98.037.171.720

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán)

11.8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 18: Chỉ tiêu tài chính hợp nhất

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,73	1,29
+ Hệ số thanh toán nhanh: <i>(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,48	1,08
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	35,65	36,56
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	55,40	57,64
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	4,97	5,08
+ Vòng quay tổng tài sản: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản</i>	Vòng	0,24	0,16
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	%	13,96	11,67
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,40	3,04
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,53	1,94
+ Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	11,43	8,48

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán)

12. Tài sản

12.1. Tổng giá trị tài sản

Tình hình tài sản cố định của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2015 thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Bảng 19: Cơ cấu tài sản công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Tài sản cố định	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/nguyên giá (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	348.949.781.133	93.309.745.942	26,74
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	99.665.281.180	38.335.615.401	38,46
2	Máy móc thiết bị	60.307.795.486	8.868.508.203	14,71
3	Phương tiện vận tải	30.746.484.307	4.289.437.530	13,95
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.367.006.407	610.487.943	25,79

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

5	Vườn cây lâu năm	155.863.213.753	41.205.696.865	26,44
6	Tài sản cố định khác	0	0	0
II	Tài sản cố định vô hình (phần mềm máy vi tính)	345.068.540	0	0
	Tổng cộng	349.294.849.673	93.309.745.942	26,71

(Nguồn: BCTC riêng năm 2015 đã kiểm toán)

Bảng 20: Cơ cấu tài sản hợp nhất tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Tài sản cố định	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/nguyên giá (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	672.174.551.293	302.812.481.394	45,05
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	359.108.227.734	212.328.771.504	59,13
2	Máy móc thiết bị	80.776.366.300	14.759.038.862	18,27
3	Phương tiện vận tải	44.564.142.378	5.484.741.403	12,31
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.489.521.592	702.533.362	28,22
5	Vườn cây lâu năm	185.236.293.289	69.537.396.263	37,54
6	Tài sản cố định khác	0	0	0
II	Tài sản cố định vô hình	2.048.177.933	1.456.227.901	71,10
1	Giá trị quyền sử dụng đất	1.703.109.393	1.456.227.901	85,50
2	Phần mềm máy tính	345.068.540	0	0
	Tổng cộng	674.222.729.226	304.268.709.295	45,13

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán)

Bảng 21: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/4/2016
1	Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2013	10.645.221.325	11.919.789.031	13.154.663.958
2	Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2014	8.641.713.218	10.939.569.902	11.485.061.586
3	Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2015	-	10.420.068.059	10.005.381.774
4	Chi phí chung tái canh cây cao su	485.423.000	485.423.000	-
5	Chi phí khai hoang, chuẩn bị đất, xây dựng vườn cây	1.443.527.926	1.443.527.926	-
6	Chi phí thuê đất			816.230.000

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

7	Công trình bê gạn mù Nhà máy chế biến	-	32.162.568	-
	Tổng cộng	21.215.885.469	35.240.540.486	35.461.337.318

(Nguồn: BCTC riêng năm 2015 đã kiểm toán, BCTC riêng 4 tháng năm 2016)

Bảng 22: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
I	Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên	21.215.885.469	35.240.540.486
1	Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2013	10.645.221.325	11.919.789.031
2	Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2014	8.641.713.218	10.939.569.902
3	Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2015	-	10.420.068.059
4	Chi phí chung tái canh cây cao su	485.423.000	485.423.000
5	Chi phí khai hoang, chuẩn bị đất, xây dựng vườn cây	1.443.527.926	1.443.527.926
6	Công trình bê gạn mù Nhà máy chế biến	-	32.162.568
II	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom	1.329.539.672.881	1.459.445.911.188
1	Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2008	46.284.572.362	31.658.151.894
2	Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2009	160.300.089.073	183.271.686.916
3	Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2010	275.945.103.995	308.283.760.588
4	Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2011	207.354.069.362	230.300.212.187
5	Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2012	273.802.952.088	315.466.681.227
6	Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2013	188.162.020.643	220.359.859.641
7	Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2014	51.814.043.485	65.654.895.065
8	Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2015	-	4.716.208.589
9	Chi phí đánh giá tác động môi trường	751.510.417	788.472.705
10	Giá trị khảo sát và lập dự án đầu tư trồng cao su tại Preah Vihear và Kampong Thom	1.981.310.910	3.262.646.139
11	Dự án Nhà máy chế biến mù GD1	51.475.620.103	6.546.275.538
12	Tiền sang nhượng đất	68.664.062.500	72.041.235.750
13	Các công trình và chi phí khác	3.004.317.943	17.095.824.949
	Tổng cộng	1.350.755.558.350	1.494.686.451.674

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán)

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 23: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Thực hiện 2015	Năm 2016		Năm 2017	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2015	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2016
Vốn điều lệ	514.010	879.450	71%	879.450	0%
Doanh thu thuần	372.893	281.800	(24,43)%	316.000	12,14%
Lợi nhuận sau thuế	62.648	58.439	(6,72)%	74.703	27,83%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	11,67%	20,74%	/	23,64%	/
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	8,5%	6,64%	/	8,49%	/
Cổ tức	0%	5%	✓ /	5%	/

(Nguồn: Theo phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên)

❖ Căn cứ đạt kế hoạch và lợi nhuận đề ra:

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2016 – 2017 được Công ty đưa ra theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt dựa trên những cơ sở sau:

- Mặc dù giá cao su đã giảm nhiều từ năm 2013, nhưng đến nay, đà giảm đã chậm lại, đồng thời, với sự phục hồi dần của nền kinh tế, Công ty kỳ vọng sẽ là bước đệm để tất cả các ngành công nghiệp phát triển, trong đó, đặc biệt là các ngành sản xuất có sử dụng đến nguyên liệu đầu vào là sản phẩm cao su thiên nhiên như xăm lốp, sản phẩm tiêu dùng, dược, y tế.... Bên cạnh đó, sản phẩm của Công ty sản xuất ra lại mang tính đa dạng và chất lượng ổn định, đáp ứng được nhu cầu sản xuất của hầu hết các ngành công nghiệp có sử dụng nguyên liệu này.
- Giá bán bình quân của các sản phẩm cao su được dự kiến sẽ tăng 15%, trong khi đó, Công ty vẫn duy trì sản lượng sản xuất ổn định. Đồng thời, Công ty tập trung tăng cường phát triển dòng cao su SVR CV và Latex để cải thiện giá bán, cùng với việc liên kết với các đơn vị sản xuất, phân phối sản phẩm trong nước để ổn định cho đầu ra sản phẩm và không bị tác động về giá, đặc biệt là hạn chế sự ảnh hưởng về giá của thị trường Trung Quốc.
- Năm 2016 cũng là năm đầu tiên Công ty cổ phần hóa, và đang thực hiện quá trình tái cấu trúc, điều này cũng làm ảnh hưởng một phần đến kết quả kinh doanh. Vì vậy, Công ty cũng sẽ cố gắng duy trì phương án ổn định cơ cấu tổ chức, nguồn nhân sự và chính sách tiết giảm chi phí để có nguồn doanh thu ổn định hơn.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)

Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, Công ty đưa ra các nhóm chiến lược, giải pháp và định hướng sản xuất kinh doanh gồm:

❖ **Nhóm giải pháp về thị trường và sản phẩm**

- **Về tiếp thị:**

- Trang bị kiến thức tiếp thị cần thiết cho các cán bộ quản lý.
- Đào tạo kiến thức kinh tế kỹ thuật tổng hợp cho cán bộ tiếp thị.
- Củng cố mối quan hệ bền vững với khách hàng, đẩy mạnh và tăng cường công tác Marketing và tiêu thụ đối với các thị trường có nhu cầu lớn về cao su.

- **Về sản phẩm, thị trường**

- Đầu tư sản xuất, kinh doanh chuyên sâu về các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần trong những năm vừa qua.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch mở rộng thị trường, phát huy mọi nguồn lực của Công ty, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để từng bước tiếp cận thị trường quốc tế.
- Tập trung xúc tiến, tiếp cận các dự án ở các địa bàn chiến lược quan trọng trong phạm vi cả nước; tăng cường tiếp thị, quảng cáo và thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng.

- **Phân khúc thị trường riêng cho từng sản phẩm**

- Phân chia thị trường ra từng nhóm cụ thể để có cách tiếp cận từng loại sản phẩm cho phù hợp.
- Hướng tới sẽ đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm SVR CV và latex để cải thiện giá bán và tránh phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc. Có thể mở rộng vào thị trường Châu Âu, Nhật Bản hoặc các nước như Ấn Độ, Srilanka...
- Đối với sản phẩm mủ Latex sẽ tập trung vào thị trường găng tay, chỉ sợi, nệm... Có định hướng liên kết với các công ty trong nước để chốt đầu ra cho sản phẩm.

Mặt khác, cần đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại đối với ngành cao su; hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá sản phẩm trên thị trường xuất khẩu. Mở rộng thị trường, thúc đẩy các dự án và ưu đãi trong đầu tư nhằm phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm cao su để nâng cao giá trị gia tăng cũng như đa dạng hóa các sản phẩm của ngành. Khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư để mở rộng các nhà máy công nghiệp chế biến sản phẩm gần vùng nguyên liệu.

❖ **Nhóm giải pháp về đầu tư**

- **Đầu tư vào Công ty con:**

Tiếp tục thực hiện việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampong Thom để thực hiện 02 dự án trồng cao su tại Vương Quốc Campuchia.

- **Đầu tư thiết bị**

- Tiến hành rà soát lại số lượng, chất lượng trang thiết bị hiện có, đối chiếu với chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để xác định nhu cầu và đẩy mạnh đầu tư mới thiết bị.
- Xây dựng định hướng đầu tư thiết bị mang tính đổi mới công nghệ, chú trọng công nghệ của các nước phát triển. Lập dự án đầu tư thiết bị trên cơ sở dữ liệu tin cậy, vừa mang tính khoa học vừa mang tính thực tiễn cao, thông qua việc khảo sát nhu cầu thực tế, khả năng phát huy tính năng công suất, có tính đến đầy đủ các yếu tố bất lợi,

tình hình bảo hành, hướng dẫn kỹ thuật để xác định hiệu quả đầu tư. Thông qua việc đầu tư, đổi mới phương tiện thiết bị, Công ty sẽ tiếp cận được những thiết bị hiện đại, theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

- Công tác đầu tư ngoài ngành được thực hiện đúng theo quy định và xác định mục tiêu trọng tâm đầu tư vào các lĩnh vực có liên quan đến ngành nghề chính của đơn vị.
- Tăng tỷ lệ vay dài hạn trong cơ cấu vốn vay. Sử dụng vốn khấu hao đối với các dự án đã triển khai; đình, hoãn tiến độ đầu tư của các dự án chưa cấp thiết để đảm bảo cân đối nguồn vốn của toàn Tập đoàn. Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án xây dựng cơ bản, đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm, thiết yếu phục vụ sản xuất kinh doanh trên cơ sở tiết kiệm tối đa chi phí. Tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả các dự án xây dựng cơ bản đã đầu tư.

- **Đầu tư công nghệ và kiểm soát chất lượng sản phẩm**

- Trong cơ chế thị trường, công nghệ là hàng hóa đặc biệt, nó sẽ giúp tạo ra đột phá trong việc giảm giá thành, nâng cao chất lượng và rút ngắn thời gian sản xuất mang lại lợi thế to lớn trong việc giảm giá thành. Công ty tăng cường đầu tư về công nghệ để sở hữu công nghệ mới thông qua các hợp đồng mua bản quyền, hoặc chuyển giao công nghệ sản xuất có áp dụng công nghệ mới tiên tiến.
- Đối với công nghệ chuyển giao qua các hợp đồng mua sắm thiết bị, được cập nhật đầy đủ nội dung theo quy trình, khai thác cao nhất các yếu tố liên quan của công nghệ.
- Xây dựng quy chế quản lý và sử dụng công nghệ trên cơ sở phân loại công nghệ theo tuổi đời và giá trị (Giá trị sử dụng và giá cả) của công nghệ; thực hiện chế độ bảo mật với công nghệ do Công ty sở hữu.
- Thực hiện quy trình kỹ thuật phù hợp và linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với Viện nghiên cứu cao su để đưa các ứng dụng mới về khai thác, chăm sóc, bảo vệ thực vật vào sản xuất để rút ngắn thời gian KTCB, tăng năng suất vườn cây, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Từng bước áp dụng chế độ cạo d/4 để tăng năng suất lao động, tăng tiền lương công nhân.
- Tăng cường công tác thu mua nhằm đảm bảo thu mua và tạo thu nhập cho người lao động.
- Tăng cường công tác quản lý trồng mới, chăm sóc và khai thác vườn cây cao su đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật. Đảm bảo chất lượng nguyên liệu từ vườn cây đến nhà máy. Đầu tư thâm canh vườn cây hợp lý từ khâu chăm sóc, bón phân đến bảo vệ thực vật. Tìm tòi, học tập, cập nhật, áp dụng khoa học kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến trong việc trồng mới chăm sóc vườn cây tái canh. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương làm tốt công tác phòng chống mất cắp mủ, bảo vệ tài sản, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên các địa bàn Công ty trú đóng.
- Tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư và đổi mới công nghệ hiện đại, cải tiến kỹ thuật, tăng cường kiểm tra chất lượng sản phẩm từ khâu tuyển chọn nguyên liệu, chế biến, bảo quản lưu kho nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường. Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Điều chỉnh tỷ trọng chế biến theo hướng tăng chủng loại sản phẩm có nhu cầu của thị trường cao hơn, có giá trị gia tăng nhiều hơn.

- **Đầu tư thông qua việc liên doanh, liên kết**

Để tạo ra sự cạnh tranh hợp lý trong chiến lược kinh doanh, Công ty thường xuyên tìm kiếm các đối tác trong nước và nước ngoài để hợp tác liên doanh, liên kết nhằm tận dụng được kinh nghiệm sẵn có của đối tác để hình thành một liên danh có sức mạnh tổng hợp và có ưu thế trong sản xuất kinh doanh.

❖ **Nhóm giải pháp về vốn, tài chính**

- **Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính**

- Tăng cường các hình thức huy động vốn để đảm bảo vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty đồng thời tích lũy vốn để mở rộng đầu tư phát triển. Công ty sẽ phát huy các nguồn vốn sau để bổ sung vốn kinh doanh, vốn điều lệ.
- Thực hiện các giải pháp tăng vốn điều lệ và nâng cao năng lực tài chính của Công ty để có được tình hình tài chính lành mạnh khi cần thiết.
- Tăng cường làm việc với ngân hàng đã có quan hệ tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, điều chỉnh lại các khoản nợ, giảm lãi vay nhằm giảm bớt gánh nặng về tài chính; tiếp tục đề nghị bảo lãnh và vay vốn thực hiện các dự án có lợi nhuận cao.
- Tập trung nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị. Điều chuyển nội bộ để sử dụng hợp lý hơn; thanh lý, bán bớt những máy móc thiết bị không còn phù hợp; cho thuê và tự khai thác để đạt hiệu quả cao nhất.
- Thực hiện chính sách tiết kiệm, hạn chế chi tiêu; sử dụng vốn vay một cách hiệu quả nhất.
- Đầu tư vốn hướng tới mục tiêu tận dụng hết khả năng nhân lực hiện tại, đồng thời mang lại tích lũy nhanh. Các hoạt động đầu tư sẽ nhắm tới các công ty, các dự án mang tính chiến lược và có nhiều khả năng thu lợi nhuận lớn.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát về tài chính, kế toán đối với các đơn vị trong Công ty; đồng thời đẩy mạnh công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ đối với các đơn vị trực thuộc, các công ty con.
- Thực hiện tốt công tác tài chính kế toán, công tác lao động, tiền lương, các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của Tập đoàn và pháp luật hiện hành, đảm bảo tính công khai và minh bạch.

- **Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí**

- Tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên tiết kiệm chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại...
- Rà soát định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe điều hành, xây dựng lại quy trình điều động xe đi công tác khoa học, hợp lý, tiết kiệm, không bị chùng chéo. Hạn chế đầu tư xe điều hành khi không cần thiết.
- Hạn chế chi phí quảng cáo, tiếp thị, tiếp khách và các chi phí gián tiếp khác...
- Hạn chế, tiết kiệm chi phí đi công tác (giảm chi phí vé máy bay, tàu xe, phòng nghỉ...). Đi công tác bằng hình thức, phương tiện theo hướng tiết kiệm.
- Bố trí lại nhân sự quản lý theo hướng tinh giản, gọn nhẹ hiệu quả.
- Rà soát bảo trì, bảo quản thiết bị, xe điều hành; phát huy hết hiệu quả sử dụng tài sản thiết bị không để tài sản chờ việc nhưng phải chịu chi phí khấu hao, sửa chữa...
- Cắt giảm chi phí hội họp, liên hoan, chúc mừng...chưa thực sự cần thiết và chi tổ chức hội họp theo hướng đơn giản, tiết kiệm, không phô trương.

❖ **Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ**

Công ty tiếp tục tổ chức nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật về chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với ứng dụng khoa học công nghệ, tiếp cận với các công nghệ tiên tiến trên thế giới. Khuyến khích các cá nhân, đơn vị tăng cường phát huy nghiên

cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và khoa học công nghệ. Thường xuyên tổng kết đánh giá và khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân tập thể có thành tích và nhân rộng ra toàn Công ty.

Thường xuyên phát động phong trào thi đua, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ với chi tiêu rõ ràng. Tổ chức nghiệm thu, đánh giá kịp thời và có phần thưởng xứng đáng cho các công trình, tác phẩm trên nguyên tắc trân trọng, đánh giá đúng mức và khen thưởng kịp thời dù các sáng kiến hợp lý hóa sản xuất có giá trị nhỏ để động viên được các tập thể, cá nhân phát huy tính sáng tạo làm lợi cho Công ty. Đưa công tác nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào tiêu chuẩn xét chọn các danh hiệu thi đua.

Tổ chức tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc ứng dụng từng công nghệ mới, có phương hướng tổ chức cải tiến hoàn thiện hơn để có thể triển khai sản xuất đại trà và phổ biến.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty (nếu có)

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý

1.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý

STT	Tên	Chức vụ	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		
1	Ông Huỳnh Hữu Minh	Chủ tịch HĐQT	TV HĐQT không điều hành
2	Ông Trương Văn Cư	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc	TV HĐQT điều hành
3	Ông Đoàn Kim Chung	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc	TV HĐQT điều hành
4	Bà Lê Thị Bích Lợi	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc	TV HĐQT điều hành
5	Ông Đỗ Thành Nghiệp	Thành viên HĐQT	TV HĐQT không điều hành
II	Ban Kiểm soát		
1	Ông Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban Kiểm soát	
2	Ông Phạm Ngọc Tiến	Thành viên Ban Kiểm soát	
3	Ông Hoàng Quốc Hưng	Thành viên Ban Kiểm soát	
III	Ban Tổng Giám đốc		
1	Ông Trương Văn Cư	Tổng Giám đốc	
2	Ông Đoàn Kim Chung	Phó Tổng Giám đốc	
3	Bà Lê Thị Bích Lợi	Phó Tổng Giám đốc	
4	Ông Trần Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc	
IV	Bộ phận tài chính – kế toán		
1	Ông Lâm Thanh Phú	Kế toán trưởng	

1.2. Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị**❖ Ông Huỳnh Hữu Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và tên:	Huỳnh Hữu Minh
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	26/12/1957
Nơi sinh:	Xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND:	290019689
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã An Nhật Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An
Địa chỉ thường trú:	Xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật
Quá trình công tác:	
07/1979 - 03/1983	Giáo viên kỹ thuật, chủ nhiệm lớp và quản lý học sinh Trường Kỹ thuật nghiệp vụ cao su
04/1983 - 09/1983	Cán bộ kỹ thuật Nông nghiệp, phòng Quản lý công trình Công ty Cao su Bắc Tây Ninh (nay thuộc Công ty Cao su Tân Biên)
09/1983 - 10/1986	Phó giám đốc NT cao su Suối Ngô – Công ty Cao su Tân Biên
10/1986 -04/1989	Phó giám đốc phụ trách chung NT cao su Tân Hiệp – Công ty cao su Tân Biên
04/1989 -04/2004	Giám đốc Nông trường cao su Tân Hiệp – Công ty cao su Tân Biên
1996- 2004	Đảng ủy viên – Bí thư Chi bộ Nông trường cao su Tân Hiệp
04/2004 - 01/2010	Phó giám đốc kỹ thuật – Công ty cao su Tân Biên- Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam (trước đây Tổng Công ty cao su Việt Nam)
08/2004 - 07/2005	Bí thư Đảng ủy Công ty (nhiệm kỳ 2003-2008), Ủy viên thường vụ Đảng ủy Công ty; Ủy viên thường vụ Công đoàn Công ty (2003-2008)
01/2010- 03/2013	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
04/2013 - 12/2013	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc phụ trách điều hành Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
12/2013 - 04/2015	Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
04/2015 - 06/2015	Chủ tịch Hội đồng thành viên - điều hành sản xuất kinh doanh - Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
07/2015 - 04/2016	Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
05/2016 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Tân Biên
Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Tân Biên

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Bí thư Đảng ủy CTCP Cao su Tân Biên; Thành viên HĐQT CTCP Cao su Quasa Geruco; Thành viên HĐQT CTCP MDF VRG-Quảng Trị; Thành viên HĐQT CTCP TMDV & DL Cao su.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Số cổ phần sở hữu:	3.900 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu:	38.220.803 cổ phần (Đại diện cho cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam)
Số chứng khoán sở hữu của người có liên quan:	Không

❖ Ông Trương Văn Cư - Thành viên HĐQT

Họ và tên:	Trương Văn Cư
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/06/1968
Nơi sinh:	Xã Bình Minh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND:	72068000008
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Bình Minh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
Địa chỉ thường trú:	Ấp Bình Trung, xã Bình Minh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Nông học, cử nhân báo chí
Quá trình công tác:	
06/1991 - 08/1997	Nhân viên phòng Kỹ thuật Nông nghiệp – Công ty Cao su Tân Biên
08/1997 - 01/2004	Phó phòng Kỹ thuật nông nghiệp – Công ty Cao su Tân Biên
02/2004 - 04/2004	Phó giám đốc Nông trường Tân Hiệp – Công ty Cao su Tân Biên
04/2004 - 12/2004	Giám đốc, Bí thư chi bộ Nông trường Tân Hiệp – Công ty Cao su Tân Biên
12/2004 - 06/2010	Giám đốc, Bí thư chi bộ Nhà máy chế biến – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
05/2010 - 08/2014	Phó Bí thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Giám đốc, Bí thư chi bộ Nhà máy chế biến – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
08/2014 - 12/2014	Phó Bí thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Bí thư chi bộ Nhà máy chế biến – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

01/2015 - 08/2015	Phó Bí thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampongthom
08/2015 - 11/2015	Phó Bí thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Q.Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
11/2015 -04/2016	Phó Bí thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Q.Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampongthom
05/2016 đến nay	Phó Bí thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampongthom
Chức vụ công tác hiện nay:	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Cao su Tân Biên
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom; Thành viên HĐQT Quỹ tín dụng nhân dân-Công ty Cao su Tân Biên
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Số cổ phần sở hữu:	46.955 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu:	17.589.000 cổ phần (Đại diện cho cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam)
Số chứng khoán sở hữu của người có liên quan:	Không

❖ Ông Đoàn Kim Chung - Thành viên HĐQT

Họ và tên:	Đoàn Kim Chung
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/01/1961
Nơi sinh:	Xã Đức Yên Huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND:	290505784
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Thọ Hải, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật
Quá trình công tác:	
03/1979 - 07/1979	Chiến sỹ huấn luyện tại C26 D7 Đoàn 403 Hải Quân V3 Đà Nẵng.

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

07/1979 - 12/1979	Học viên trường Kỹ thuật Hải Quân – Cát Lái TP.HCM.
01/1980 -12/1980	Chiến sỹ phòng tham mưu- Trường Kỹ thuật Hải Quân – Cát Lái – TP.HCM
01/1981 -07/1982	Tiểu đội trưởng lớp phó - Trường Kỹ thuật Hải Quân – Cát Lái – TP.HCM
08/1982 - 10/1983	Học viên- Trường Kỹ thuật Hải Quân – UZMAUL – Liên Xô
11/1983 - 12/1987	Ngành trưởng pháo tàu, chuyên gia Hải Quân Campuchia- Căn cứ 505 vùng 5 Hải Quân – Đảng viên – Thượng úy
01/1988 -04/1989	Chuyển ngành, Cán bộ phòng Tổ chức Lao động – Công ty cao su Tân Biên
05/1990 -03/1991	Phó phòng Tổ chức – Lao động tiền lương – Công ty cao su Tân Biên
04/1991 - 09/1992	Quyền Trưởng phòng Tổ chức Lao động– Công ty cao su Tân Biên
09/1992 - 12/2009	Trưởng phòng Tổ chức Lao động, Đảng ủy viên , UV BTV Công đoàn, Chủ tịch CCB Công ty
01/2010 - 05/2010	Phó chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
05/2010 - 06/2011	Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
06/2011- 05/2016	Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy; Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
05/2016 đến nay	Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy; Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cao su Tân Biên, Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy Công ty cổ phần Cao su Tân Biên
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Thành viên HĐQT CTCP Cao su Tân Biên – Kampong Thom; Thành viên HĐQT CTCP Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Số cổ phần sở hữu:	3.700 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu:	13.191.750 cổ phần (Đại diện cho cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam)
Số chứng khoán sở hữu của người có liên quan:	Không

❖ Bà Lê Thị Bích Lợi - Thành viên HĐQT

Họ và tên:	Lê Thị Bích Lợi
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	13/07/1968
Nơi sinh:	Thanh Hóa
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND:	290627654
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú:	Ấp Đông Lợi xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư
Quá trình công tác:	
06/1991 - 12/1996	Nhân viên phòng Nông nghiệp - Công ty Cao su Tân Biên
12/1996 - 09/2001	Phó giám đốc Nông trường cao su Bồ Túc - Công ty Cao su Tân Biên
09/2001 - 12/2009	Giám đốc Nông trường Cao su Bồ Túc - Công ty Cao su Tân Biên.
01/2010 - 08/2014	Thành viên HĐQT – Giám đốc Nông trường Cao su Bồ Túc – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
1998- 2014	Đảng ủy viên – Bí thư Chi bộ Nông trường cao su Bồ Túc
08/2014 - 05/2016	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên.
05/2016 đến nay	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc CTCP Cao su Tân Biên.
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc CTCP Cao su Tân Biên.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Thường vụ Đảng ủy Công ty cổ phần Cao su Tân Biên; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Số cổ phần sở hữu:	2.900 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu:	13.191.750 cổ phần (Đại diện cho cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam)
Số chứng khoán sở hữu của người có liên quan:	Không

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

❖ Ông Đỗ Thành Nghiệp - Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Đỗ Thành Nghiệp**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 19/05/1965
Nơi sinh: Xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
Quốc tịch: Việt Nam
Số CMND: 290401066
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
Địa chỉ thường trú: B262 Võ Văn Luyện, KP11, Phường 11, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
Quá trình công tác:
02/1983 - 06/1991 Công tác tại văn phòng Thị ủy Tây Ninh. Từ 1987 – 1991 giữ chức phó văn phòng Thị ủy Tây Ninh.
07/1991 - 06/1993 Học lớp Cao cấp LLCT - Trường Nguyễn Ái Quốc – Thủ Đức -TPHCM.
07/1993 - 04/1995 Chuyên viên Ban tổ chức Thị ủy Tây Ninh.
05/1995 -06/1996 Kế toán Công ty Dược phẩm Quận 5-TPHCM.
07/1996 -08/1998 Kế toán Xí nghiệp xây dựng và thi công cơ giới thuộc Công ty Kỹ thuật xây dựng và vật liệu xây dựng (Bộ Xây Dựng).
09/1998 - 01/2001 Kế toán Công ty TNHH Hồng Long Quận 3- TPHCM.
02/2001 - 06/2001 Kế toán Công ty cao su Tân Biên.
07/2001 - 02/2003 Phó phòng kinh doanh Công ty Cao su Tân Biên
03/2003 - 12/2009 Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty Cao su Tân Biên.
12/2009 - 10/2011 Kiểm soát viên chuyên trách Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
11/2011 - 05/2016 Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
05/2016 đến nay Thành viên HĐQT - Chủ tịch Công đoàn CTCP Cao su Tân Biên
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT - Chủ tịch Công đoàn CTCP Cao su Tân Biên; Thường vụ Đảng ủy CTCP Cao su Tân Biên.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
Số cổ phần sở hữu: 2.900 cổ phần

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

Số cổ phần đại diện sở hữu: 4.437.250 cổ phần, trong đó
- 4.417.250 cổ phần (Đại diện cho cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam)
- 20.000 cổ phần (Đại diện cho Công đoàn CTCP Cao su Tân Biên)

Số chứng khoán sở hữu của người có liên quan: Không

1.3. Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát

❖ Ông Nguyễn Văn Sang - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: Nguyễn Văn Sang
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 12/2/1977
Nơi sinh: Xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
Quốc tịch: Việt Nam
Số CMND: 291085153
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
Địa chỉ thường trú: Ấp Hội Phú, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:
11/1997 -06/1999 Nhân viên Kế toán – Nhà máy chế biến – Công ty cao su Tân Biên
06/1999 - 03/2009 Nhân viên Kế toán – Phòng Tài chính kế toán – Công ty cao su Tân Biên
04/2009 -05/2010 Kế toán tổng hợp – Nông trường cao su Suối Ngô- Công ty Cao su Tân Biên
06/2010 - 07/2010 Nhân viên kế toán – phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
08/2010 - 10/2011 Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
10/2011 -04/2016 Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
05/2016 đến nay Trưởng ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên.
Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Số cổ phần sở hữu: 2.000 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu: Không
Số chứng khoán sở hữu của người có liên quan: Không

❖ Ông Phạm Ngọc Tiến - Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Phạm Ngọc Tiến**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 20/07/1985
Nơi sinh: Xã Đức Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
Quốc tịch: Việt Nam
Số CMND: 183528008
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Đức Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú: Tây Ninh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:
09/2004 - 11/2008 Nhân viên phòng Tài chính kế toán – Công ty Cao su Tân Biên
11/2008 - 08/2009 Thư ký tổng hợp Ban Giám đốc Công ty thuộc Văn Phòng Công ty – Công ty Cao su Tân Biên
08/2009 - 07/2013 Kế toán tổng hợp – phòng Tài chính kế toán – Công ty Cao su Tân Biên
07/2013 - 04/2016 Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên
05/2016 đến nay Thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom; Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chế biến – Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh.
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
Số cổ phần sở hữu: 1.200 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu: Không
Số chứng khoán sở hữu của người có liên quan: Không

❖ **Ông Hoàng Quốc Hưng - Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Hoàng Quốc Hưng**
Giới tính: **Nam**
Ngày tháng năm sinh: **14/06/1990**
Nơi sinh: **Xã Bình Thắng, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Số CMND: **285290939**
Dân tộc: **Kinh**
Quê quán: **Xã Tây Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.**
Địa chỉ thường trú: **288 Thôn Phú Thịnh, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước**

Trình độ văn hóa: **12/12**
Trình độ chuyên môn: **Cử nhân**
Quá trình công tác:
07/2012 - 08/2013 **Trợ lý kiểm toán – Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (CN HCM)**
09/2013 - 04/2016 **Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam**
05/2016 đến nay **Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên**
Chức vụ công tác hiện nay: **Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên**
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: **Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa.**
Hành vi vi phạm pháp luật: **Không**
Các khoản nợ đối với Công ty: **Không**
Lợi ích liên quan đối với Công ty: **Không**
Số cổ phần sở hữu:
Số cổ phần đại diện sở hữu: **Không**
Số chứng khoán sở hữu của người có liên quan: **Không**

1.4. Sơ yếu lý lịch Ban Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý

- ❖ **Ông Trương Văn Cư – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc (trình bày ở mục 1.2)**
- ❖ **Ông Đoàn Kim Chung – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc (trình bày ở mục 1.2)**
- ❖ **Bà Lê Thị Bích Lợi – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc (trình bày ở mục 1.2)**
- ❖ **Ông Trần Văn Toàn - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Trần Văn Toàn**
Giới tính: **Nam**

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Ngày tháng năm sinh: 26/02/1966
Nơi sinh: Xã Quảng Tiên, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
Quốc tịch: Việt Nam
Số CMND: 290641959
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Quảng Tiên, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.
Địa chỉ thường trú: Xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:
06/1991 - 12/1998 Nhân viên Phòng KHĐT và phòng Kinh doanh Công ty Cao su Tân Biên
12/1998 - 12/1999 Trưởng ban kiểm soát nội bộ - Công ty Cao su Tân Biên.
01/2000 -03/2005 Nhân viên Phòng Kinh doanh và Phòng kế hoạch Xây dựng cơ bản - Công ty Cao su Tân Biên
03/2005 -06/2005 Phó phòng kế hoạch Xây dựng cơ bản - Công ty Cao su Tân Biên
07/2005 -09/2006 Q. Trưởng phòng Kế hoạch Xây dựng cơ bản - Công ty Cao su Tân Biên
09/2006 -09/2007 Trưởng phòng kế hoạch Xây dựng cơ bản - Công ty Cao su Tân Biên
09/2007 -06/2009 Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cao su Tân Biên-Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên - Kampongthom, Bí thư chi bộ (tháng 03/2009)
06/2009 - 12/2010 Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên - Kampongthom. Bí thư chi bộ
01/2011 - 01/2014 Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong. Bí thư chi bộ
01/2014 -08/2014 Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong Việt Nam kiêm Giám đốc Công ty TNHH Cao su Mekong Campuchia; Bí thư chi bộ
08/2014 -04/2016 Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Tân Biên; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong Việt Nam kiêm Giám đốc Công ty TNHH Cao su Mekong Campuchia; Bí thư chi bộ
05/2016 đến nay Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tân Biên; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong Việt Nam kiêm Giám đốc Công ty TNHH Cao su Mekong Campuchia; Bí thư chi bộ
Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cao su Tân Biên.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Số cổ phần sở hữu:

Số cổ phần đại diện sở hữu: Không

Số chứng khoán sở hữu của người có liên quan: Không

1.5. Sơ yếu lý lịch Kế toán trưởng

❖ Ông Lâm Thanh Phú – Kế toán trưởng

Họ và tên: **Lâm Thanh Phú**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 29/08/1974

Nơi sinh: Xã Trường Hòa, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 290472438

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, Tỉnh Long An.

Địa chỉ thường trú: Ấp Thạnh Phú xã Tân Hiệp, Huyện Tân Châu Tỉnh Tây Ninh.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

08/1995 - 10/1999 Kế toán tổng hợp – Phòng Kinh Doanh – Công ty Cao su Tân Biên

11/1999 - 12/2003 Phó phòng Kinh Doanh - Công ty Cao su Tân Biên

01/2004 -08/2004 Phó phòng Tài chính Kế toán- Công ty Cao su Tân Biên

09/2004 - 12/2009 Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán – Công ty Cao su Tân Biên

01/2010 -05/2016 Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

05/2016 đến nay Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán – Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán – Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Đảng ủy viên Đảng ủy Công ty; Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Số cổ phần sở hữu: 5.200 cổ phần

Số cổ phần đại diện sở hữu: Không

Số chứng khoán sở hữu của người có liên quan: Không

2. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đã và đang ngày càng hoàn thiện quy trình quản trị Công ty theo hướng chuyên nghiệp, vừa phù hợp với Luật doanh nghiệp, Quy chế quản trị công ty áp dụng đối với các Công ty đại chúng, và cũng vừa phù hợp với định hướng chung của Tập đoàn, cũng như với nền văn hóa của Công ty. Một số kế hoạch tăng cường quản trị công ty sẽ triển khai trong thời gian tới, cụ thể như sau:

- ❖ Xây dựng quy chế quản trị và thực hiện chỉnh sửa, bổ sung điều lệ hoạt động theo luật doanh nghiệp 2014 và các văn bản quy định hiện hành nhằm tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của HĐQT và HĐQT Công ty; tiếp tục nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra nội bộ, kiểm soát chặt chẽ việc thực thi công việc theo sự phân bổ nhiệm vụ hay sự phân cấp từ HĐQT; Chỉ đạo, chấn chỉnh kịp thời các hoạt động của Ban điều hành, đặc biệt là trong công tác quản lý, hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

Theo quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC về quản trị công ty áp dụng các công ty Đại chúng, Công ty cam kết sẽ tuân theo quy định về tư cách, tiêu chuẩn về thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát. Công ty tiếp tục hoàn thiện đề án tái cấu trúc năng lực hệ thống nhằm nâng cao khả năng ra quyết định, chịu trách nhiệm của đội ngũ ban điều hành, các cấp quản lý.

- ❖ **Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ**

Việc chuyển đổi Công ty từ loại hình công ty TNHH MTV sang CTCP đã có những thay đổi nhất định trong tổ chức và điều hành hoạt động của Công ty. Công ty sẽ triển khai xây dựng hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ làm công cụ và cơ sở pháp lý nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và tính chuyên nghiệp của Công ty. Công ty sẽ tiến hành xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế thuộc các lĩnh vực:

- Quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Quan hệ nội bộ Công ty.
- Quan hệ giữa Công ty với các công ty thành viên. Quản lý tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

Việc xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ giúp Công ty có được một hệ thống hoàn chỉnh các văn bản quy định về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty. Các Quy chế cũng là cơ sở để xem xét trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Công ty giao và giúp cho hoạt động quản lý, điều hành được nhịp nhàng và thông suốt.

- ❖ **Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý**

Công nghệ thông tin đóng một vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và đã chứng tỏ tầm ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.

Để phát huy vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý kinh doanh, Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin, vừa để tạo ra những biến chuyển mang tính bước ngoặt trong sản xuất, vừa góp phần giảm nhẹ các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công ty đề ra các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như sau:

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, kinh doanh bao gồm các nội dung chủ yếu như: hệ thống thư điện tử; hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành; số hóa nguồn thông tin ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng; tăng cường sử dụng văn bản điện tử; phát triển và

cung cấp thông tin trực tuyến; thông tin công khai về tuyển dụng, chế độ lương, hưu, bảo hiểm, khen thưởng và kỷ luật.

Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; tiếp tục xây dựng, bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công nhân viên; nghiên cứu xây dựng chế độ ưu đãi đối với cán bộ, công nhân viên chuyên trách về công nghệ thông tin; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án và đẩy mạnh ứng dụng đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công nhân viên.

Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin một cách đồng bộ; trang bị sử dụng một số phần mềm chuyên dụng để ứng dụng vào quản lý, kinh doanh như: phần mềm dùng chung quản lý văn bản, phần mềm quản lý nhân sự - lao động, phần mềm quản lý vật tư - thiết bị để giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ; khuyến khích cán bộ, công nhân viên khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ công tác.

Tăng cường và khuyến khích sử dụng các hình thức truyền thông cơ bản như thư điện tử, điện thoại, fax; đưa thông tin lên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Công ty để trao đổi thông tin ở khoảng cách xa, tạo thói quen làm việc của cán bộ, công nhân viên trên môi trường mạng và hệ thống thông tin trợ giúp nhằm thay thế văn bản giấy.

Từng bước tích hợp các hệ thống thông tin, tiếp tục xây dựng và mở rộng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành chung của Công ty.

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trong Bản công bố thông tin là đầy đủ và chính xác với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật với các thông tin này.

III. PHỤ LỤC

Các phụ lục kèm theo Bảng thông tin tóm tắt về Công ty đại chúng của Công ty:

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.
2. Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán (riêng và hợp nhất).
3. Báo cáo tài chính riêng 04 tháng đầu năm 2016.
4. Báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu.

Tây Ninh, ngày tháng 10 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HUỖNH HỮU MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯƠNG VĂN CỬ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÂM THANH PHÚ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN VĂN SANG

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HOÀNG GIANG